Để Luật TNTG sửa đổi năm 2026 đi vào đời sống: Không chỉ cần luật đúng mà còn phải thực thi đúng

ISSN: 2734-9195 10:15 09/05/2026

Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo sửa đổi năm 2026 chỉ thực sự đi vào cuộc sống khi người dân cảm nhận rõ rằng hoạt động tín ngưỡng của mình thuận lợi hơn, thủ tục hành chính minh bạch hơn, môi trường sinh hoạt tôn giáo an toàn hơn...

Tác giả: **Vững Nguyễn**

Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo sửa đổi năm 2026 được kỳ vọng tạo bước chuyển quan trọng trong bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân và đổi mới phương thức quản lý nhà nước theo hướng phục vụ, đồng hành.

Nhưng để những quy định tiến bộ thực sự phát huy hiệu quả, điều quyết định không chỉ nằm ở nội dung của luật, mà còn ở năng lực tổ chức thực thi, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ và sự thống nhất từ nhận thức đến hành động trong toàn hệ thống quản lý.

Từ quyền hiến định đến yêu cầu thực thi thực chất

Một đạo luật tiến bộ sẽ không thể tự tạo ra hiệu quả xã hội nếu thiếu cơ chế thực thi đồng bộ, minh bạch và bám sát thực tiễn đời sống. Đối với Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo sửa đổi năm 2026, vấn đề cốt lõi hiện nay không chỉ nằm ở việc hoàn thiện hành lang pháp lý, mà còn ở năng lực đưa các quy định của luật đi vào đời sống tín ngưỡng của nhân dân một cách thực chất, công bằng và hiệu quả. Đây không chỉ là yêu cầu pháp lý đơn thuần mà còn là đòi hỏi chính trị - xã hội nhằm bảo đảm quyền con người, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và giữ vững ổn định quốc gia trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Tinh thần đó hoàn toàn thống nhất với Điều 24 Hiến pháp năm 2013, trong đó khẳng định: “Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; theo hoặc không theo một tôn giáo nào”. Hiến pháp đồng thời quy định Nhà nước có trách nhiệm tôn trọng, bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và nghiêm cấm mọi hành vi

lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật. Đây là nền tảng hiến định quan trọng để xây dựng hệ thống pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo theo hướng hiện đại, lấy quyền con người làm trung tâm nhưng vẫn bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước và lợi ích quốc gia.

Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo sửa đổi năm 2026 sửa đổi lần này thể hiện rõ tư duy đổi mới quản trị nhà nước trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo khi đẩy mạnh phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thúc đẩy chuyển đổi số và tăng cường minh bạch quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tín ngưỡng.

Đáng chú ý, luật lần đầu tiên thiết lập khuôn khổ pháp lý đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng; bổ sung quy định nghiêm cấm việc lợi dụng trí tuệ nhân tạo, nền tảng số và công nghệ mới để vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Các quy định liên quan đến đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung, quản lý tài sản tín ngưỡng, công nhận tổ chức tôn giáo hay trách nhiệm của nền tảng số cho thấy rõ định hướng chuyển từ "quản lý hành chính nặng kiểm soát" sang "quản trị phục vụ và đồng hành cùng người dân".

Quan điểm này cũng thống nhất với tinh thần của Nghị quyết 80-NQ/TW năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam, trong đó nhấn mạnh yêu cầu phát huy giá trị văn hóa, đạo đức, nhân văn của tín ngưỡng, tôn giáo trong xây dựng xã hội phát triển bền vững. Theo Ban Tôn giáo Chính phủ, việc sửa đổi luật nhằm "bảo đảm tốt hơn quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân", đồng thời hoàn thiện cơ chế quản lý phù hợp với bối cảnh mới.

Tuy nhiên, thực tiễn nhiều năm qua cho thấy khoảng cách lớn nhất không nằm ở câu chữ của luật, mà nằm ở khâu tổ chức thực hiện. Nếu cán bộ thực thi còn tư duy hành chính hóa; nếu thủ tục vẫn gây phiền hà; nếu chuyển đổi số chỉ dừng ở hình thức; hoặc nếu nhận thức pháp luật giữa các địa phương còn thiếu thống nhất, thì quyền hiến định của người dân sẽ khó được bảo đảm đầy đủ.

Một đạo luật tiến bộ chỉ thực sự có giá trị khi mỗi quy định của luật được thực thi bằng trách nhiệm công vụ, bằng tinh thần phục vụ nhân dân và bằng một nền quản trị pháp quyền hiện đại, công khai và minh bạch.

Khoảng trống nhận thức pháp luật vẫn là nguy cơ lớn

Theo số liệu của Ban Tôn giáo Chính phủ và Bộ Dân tộc và Tôn giáo cập nhật đến năm 2025, Việt Nam hiện có hơn 27 triệu tín đồ tôn giáo, chiếm khoảng 27% dân số; hơn 61 nghìn chức sắc; khoảng 148 nghìn chức việc; trên 30 nghìn cơ sở thờ tự; cùng 43 tổ chức thuộc 16 tôn giáo đã được Nhà nước công nhận và

cấp đăng ký hoạt động. Những con số này phản ánh thực tế đời sống tín ngưỡng, tôn giáo tại Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ, đa dạng và có sức ảnh hưởng sâu rộng tới nhiều mặt của đời sống xã hội. Trong bối cảnh đó, mọi khoảng trống về nhận thức pháp luật, nếu không được lấp đầy kịp thời, đều có thể trở thành điểm bị lợi dụng để gây mất ổn định xã hội và chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Hiến pháp năm 2013, tại Điều 24, đã khẳng định rõ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân; đồng thời nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật. Trên tinh thần đó, Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo sửa đổi năm 2026 tiếp tục bổ sung nhiều quy định quan trọng nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước nhưng vẫn bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng của người dân.

Điều 5 của luật sửa đổi quy định nghiêm cấm hành vi lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo để xâm phạm quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội hoặc chia rẽ dân tộc, tôn giáo. Điều 8 và Điều 9 nhấn mạnh trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin pháp luật, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy định về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trong môi trường thực tế và trên không gian số.



Tuy nhiên, thực tiễn nhiều năm qua cho thấy, ở không ít địa phương, một bộ phận tín đồ, chức việc và người dân vẫn chưa nắm đầy đủ các quy định pháp luật liên quan đến sinh hoạt tôn giáo, đăng ký hoạt động tập trung, quản lý tài sản tín ngưỡng hay hoạt động tôn giáo trên môi trường mạng. Sự thiếu hụt

nhận thức này đã tạo ra “khoảng trống thông tin” để các phần tử cực đoan, tổ chức chống phá và đối tượng cơ hội chính trị lợi dụng xuyên tạc chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước; kích động tâm lý nghi ngờ, đối đầu, thậm chí cổ súy tư tưởng ly khai khỏi cộng đồng dân tộc.

Vì vậy, việc tuyên truyền Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo sửa đổi năm 2026 không thể tiếp tục theo lối hành chính hóa, áp đặt một chiều hoặc nặng tính khẩu hiệu. Các cơ quan chức năng cần chuyển mạnh sang phương thức truyền thông lấy người dân làm trung tâm; xây dựng nội dung ngắn gọn, dễ hiểu, sát thực tiễn và phù hợp đặc điểm từng vùng miền, từng tôn giáo. Ban Tôn giáo Chính phủ và Bộ Dân tộc và Tôn giáo cần phối hợp chặt chẽ với các tổ chức tôn giáo hợp pháp để biên soạn tài liệu hướng dẫn thống nhất; đồng thời đẩy mạnh truyền thông trên nền tảng số, mạng xã hội và hệ thống thông tin cơ sở.

Chỉ khi người dân hiểu đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật thì Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo sửa đổi năm 2026 mới thực sự phát huy giá trị trong đời sống xã hội, trở thành công cụ bảo vệ quyền con người và tăng cường sức mạnh đoàn kết dân tộc trong giai đoạn phát triển mới.

Cán bộ làm công tác tôn giáo không chỉ là “người quản lý”

Một trong những điểm nghẽn lớn nhất trong quá trình đưa Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo vào đời sống là nằm ở chất lượng đội ngũ cán bộ trực tiếp thực thi pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo tại cơ sở. Một hệ thống pháp luật tiến bộ sẽ khó phát huy hiệu quả nếu người thực thi thiếu kiến thức chuyên môn, thiếu kỹ năng dân vận và chưa có phương pháp tiếp cận phù hợp với đặc thù văn hóa, tín ngưỡng của từng cộng đồng tôn giáo.

Thực tế cho thấy, tại một số địa phương vẫn tồn tại tình trạng cán bộ hiểu chưa đầy đủ quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; xử lý công việc theo tư duy hành chính cứng nhắc; thậm chí đồng nhất quản lý nhà nước với kiểm soát hành chính đơn thuần. Nhiều cán bộ còn thiếu hiểu biết về giáo lý, giáo luật, phong tục, văn hóa tôn giáo hoặc thiếu kỹ năng đối thoại với chức sắc, chức việc và tín đồ. Hệ quả là không ít vụ việc đáng lẽ có thể được giải quyết bằng hướng dẫn pháp luật, vận động quần chúng và đối thoại xã hội lại bị đẩy thành những điểm nóng về tâm lý, gây phát sinh khiếu kiện, mâu thuẫn hoặc tạo ra dư luận tiêu cực trên không gian mạng.

Hiến pháp năm 2013, tại Điều 24, đã xác định rõ trách nhiệm của Nhà nước trong việc tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân. Trên cơ sở đó, Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo sửa đổi năm 2026 tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu nâng cao trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong bảo đảm

quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức tôn giáo hoạt động đúng pháp luật.

Điều 3 của luật sửa đổi quy định nguyên tắc bảo đảm bình đẳng, tôn trọng sự khác biệt về tín ngưỡng, tôn giáo; đồng thời yêu cầu hoạt động quản lý nhà nước phải tuân thủ pháp luật, khách quan và công khai. Điều này đòi hỏi đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo không chỉ nắm luật mà còn phải có năng lực vận dụng luật một cách linh hoạt, nhân văn và phù hợp thực tiễn.

Các văn bản của Ban Bí thư về tăng cường công tác dân tộc, tôn giáo trong tình hình mới cũng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo "có bản lĩnh chính trị vững vàng, am hiểu pháp luật, gần dân, trọng dân và có kỹ năng vận động quần chúng". Đây là định hướng quan trọng nhằm chuyển mạnh tư duy quản lý từ "hành chính hóa" sang "đồng hành và phục vụ người dân".

Quan điểm này nhiều lần được Ban Tôn giáo Chính phủ nhấn mạnh khi khẳng định: Công tác tôn giáo trước hết là công tác vận động quần chúng, không thể chỉ tiếp cận bằng mệnh lệnh hành chính.

Trong bối cảnh hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ngày càng gắn với môi trường số, mạng xã hội và giao lưu quốc tế, yêu cầu đối với cán bộ cơ sở càng trở nên toàn diện hơn. Người làm công tác tôn giáo không chỉ cần hiểu pháp luật chuyên ngành mà còn phải có kỹ năng xử lý thông tin trên không gian mạng, khả năng đối thoại xã hội, kỹ năng hòa giải cộng đồng và năng lực nhận diện các hành vi lợi dụng tôn giáo để kích động, chống phá.

Vì vậy, đổi mới công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo phải trở thành nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình triển khai Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo sửa đổi năm 2026.

Việc đào tạo cần đi vào thực chất, gắn với tình huống thực tiễn, tăng cường kiến thức liên ngành về pháp luật, văn hóa, xã hội học tôn giáo và kỹ năng dân vận cơ sở.

Người cán bộ trong giai đoạn mới không thể chỉ là "người quản lý hồ sơ" hay "người kiểm tra thủ tục", mà phải thực sự trở thành cầu nối tin cậy giữa chính quyền với tổ chức tôn giáo và cộng đồng tín đồ; góp phần củng cố niềm tin xã hội, tăng cường đồng thuận và giữ vững khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Cải cách thủ tục hành chính phải trở thành thước đo hiệu quả thực thi luật

Một trong những điểm đổi mới quan trọng của Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo sửa đổi năm 2026 là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và mở rộng ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. Đây không chỉ là yêu cầu kỹ thuật của tiến trình cải cách hành chính quốc gia mà còn là thước đo trực tiếp phản ánh mức độ thực chất của việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo Hiến pháp năm 2013.

Điều 24 Hiến pháp khẳng định mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; Nhà nước có trách nhiệm tôn trọng và bảo hộ quyền đó.

Trên tinh thần hiến định này, Điều 3 của Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo sửa đổi năm 2026 tiếp tục nhấn mạnh nguyên tắc Nhà nước "tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; bảo đảm để các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo diễn ra theo quy định pháp luật". Quy định này cho thấy quản lý nhà nước trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo không còn dừng ở chức năng kiểm soát hành chính, mà phải chuyển mạnh sang mô hình quản trị phục vụ, lấy người dân và tổ chức tôn giáo làm trung tâm.

Theo đó, nhiều nội dung sửa đổi của luật đã được thiết kế theo hướng giảm tầng nấc trung gian, tăng tính minh bạch và đẩy mạnh phân cấp cho địa phương. Các thủ tục liên quan đến đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung, công nhận tổ chức tôn giáo, sửa chữa cơ sở thờ tự, thông báo hoạt động tôn giáo định kỳ hay tiếp nhận hồ sơ trên môi trường số đều được đơn giản hóa đáng kể. Việc bổ sung quy định về chuyển đổi số trong quản lý hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo cũng cho thấy nỗ lực xây dựng nền hành chính hiện đại, công khai và minh bạch hơn trong giai đoạn phát triển mới.

Tuy nhiên, khoảng cách giữa tinh thần cải cách của luật với thực tiễn thực thi vẫn là vấn đề đáng lo ngại. Nếu tại cơ sở vẫn tồn tại tình trạng yêu cầu giấy tờ không cần thiết, giải quyết hồ sơ chậm trễ, hướng dẫn thiếu thống nhất giữa các địa phương hoặc công khai thủ tục chỉ mang tính hình thức, thì cải cách sẽ khó tạo ra chuyển biến thực chất. Khi đó, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo dù đã được bảo đảm trên phương diện pháp lý vẫn có nguy cơ bị cản trở bởi cơ chế thực thi thiếu đồng bộ và tư duy hành chính nặng tính "xin - cho".

Về tăng cường công tác dân tộc, tôn giáo trong tình hình mới, các văn bản của Ban Bí thư đã xác định rõ yêu cầu tiếp tục đổi mới phương thức quản lý nhà nước theo hướng công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức tôn giáo hoạt động đúng pháp luật. Quan điểm này đặt ra yêu cầu các cấp chính quyền phải thay đổi căn bản tư duy quản lý từ "cấp phép và kiểm soát" sang "hướng dẫn, hỗ trợ và đồng hành cùng người dân".

Để Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo sửa đổi năm 2026 thực sự đi vào đời sống, các địa phương cần công khai đầy đủ quy trình xử lý hồ sơ; minh bạch thời hạn giải quyết; chuẩn hóa dữ liệu số; kết nối liên thông giữa các cơ quan quản lý; đồng thời đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến nhằm giảm tối đa khâu trung gian gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân tôn giáo.

Việc đánh giá hiệu quả thực thi luật cũng cần chuyển từ tư duy "đếm số lượng văn bản" sang đo lường mức độ hài lòng thực chất của người dân và tổ chức tôn giáo.

Bởi suy cho cùng, hiệu quả của một đạo luật không nằm ở số trang văn bản hay số lượng quy định được ban hành, mà nằm ở việc người dân có thực sự cảm nhận được sự thuận lợi, minh bạch, công bằng và được tôn trọng trong quá trình thực hiện quyền hiến định của mình hay không.

Không gian mạng đang trở thành "mặt trận tôn giáo" mới

Một trong những điểm mới đáng chú ý của Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo sửa đổi năm 2026 là bước đầu hình thành hành lang pháp lý đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên môi trường số. Đây là sự điều chỉnh cần thiết trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia đang diễn ra mạnh mẽ và đời sống tín ngưỡng, tôn giáo ngày càng gắn chặt với không gian mạng.

Sau đại dịch COVID-19, nhiều hoạt động như giảng đạo trực tuyến, tổ chức lễ nghi online, quyên góp điện tử, truyền thông tôn giáo trên nền tảng số hay sinh hoạt cộng đồng qua mạng xã hội đã phát triển nhanh chóng và trở thành xu hướng tất yếu của xã hội hiện đại.

Sự phát triển này mở ra cơ hội lớn để các tổ chức tôn giáo mở rộng khả năng tiếp cận tín đồ, lan tỏa giá trị nhân văn, đạo đức và hỗ trợ cộng đồng. Tuy nhiên, cùng với mặt tích cực, không gian mạng cũng đang trở thành môi trường phức tạp, nơi nhiều đối tượng lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để phát tán mê tín dị đoan, truyền bá tư tưởng cực đoan, thực hiện hành vi lừa đảo tâm linh hoặc xuyên tạc chính sách tự do tín ngưỡng của Việt Nam.

Thực tế thời gian qua cho thấy không ít đối tượng đã sử dụng livestream, nền tảng video ngắn, hội nhóm mạng xã hội và các ứng dụng truyền thông số để tuyên truyền "tà đạo", kích động tâm lý chống đối chính quyền, gieo rắc thông tin sai lệch hoặc trục lợi dưới danh nghĩa tâm linh.

Một số hoạt động quyên góp online thiếu minh bạch, lợi dụng niềm tin tín ngưỡng của người dân để huy động tiền bạc trái quy định cũng gây ra nhiều hệ lụy xã hội và ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường tín ngưỡng lành mạnh.

Điều 24 Hiến pháp năm 2013 quy định rõ Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân; đồng thời nghiêm cấm việc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật. Trên cơ sở đó, Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo sửa đổi năm 2026 đã bổ sung nhiều quy định mới liên quan đến hoạt động tôn giáo trên không gian mạng.

Đáng chú ý, Điều 5 của luật tiếp tục nghiêm cấm hành vi lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo để xâm phạm an ninh quốc gia, chia rẽ dân tộc, kích động bạo lực hoặc trục lợi bất hợp pháp. Luật đồng thời bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi thực hiện hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên nền tảng số; yêu cầu bảo đảm tính minh bạch, tuân thủ pháp luật về an ninh mạng, dữ liệu và thông tin truyền thông.

Trong các Chỉ thị, Kết luận, Thông báo của Ban Bí thư về tăng cường công tác dân tộc, tôn giáo trong tình hình mới cũng nhấn mạnh yêu cầu chủ động nhận diện và đấu tranh với các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng nhằm chống phá Đảng, Nhà nước và chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Quan điểm này cho thấy không gian mạng hiện nay không chỉ là môi trường truyền thông đơn thuần mà đã trở thành một “mặt trận” mới của công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

Bởi vậy, việc triển khai Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo sửa đổi năm 2026 cần gắn chặt với nhiệm vụ xây dựng môi trường tín ngưỡng lành mạnh trên không gian số. Các cơ quan chức năng cần sớm ban hành hướng dẫn cụ thể liên quan đến giảng đạo trực tuyến, quản lý nội dung tôn giáo số, quyên góp online, lưu trữ dữ liệu điện tử và trách nhiệm pháp lý của các nền tảng cung cấp nội dung tôn giáo. Đồng thời, cần tăng cường phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, lực lượng an ninh mạng và các tổ chức tôn giáo hợp pháp để kịp thời phát hiện, xử lý hành vi lợi dụng tôn giáo vi phạm pháp luật trên môi trường số.

Quan trọng hơn, cùng với việc đấu tranh chống thông tin độc hại, Nhà nước cần bảo vệ quyền tiếp cận thông tin tôn giáo chính thống, lành mạnh của người dân. Khi người dân được tiếp cận nguồn thông tin minh bạch, chuẩn xác và đúng pháp luật, không gian mạng sẽ không trở thành nơi phát tán cực đoan và mê tín, mà có thể trở thành công cụ tích cực góp phần lan tỏa giá trị văn hóa, đạo đức và tinh thần đoàn kết trong xã hội số hiện đại.

Tôn giáo chân chính là nguồn lực xã hội quan trọng của đất nước

Một nhận thức cần tiếp tục được khẳng định rõ ràng trong quá trình triển khai Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo sửa đổi năm 2026 là: Tôn giáo chân chính không đứng ngoài sự phát triển của đất nước, mà đang trở thành một nguồn lực xã hội

quan trọng góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát triển an sinh xã hội và lan tỏa các giá trị nhân văn trong cộng đồng.

Thực tiễn nhiều năm qua cho thấy các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam đã tham gia ngày càng tích cực vào nhiều lĩnh vực xã hội như từ thiện nhân đạo, giáo dục, chăm sóc y tế, bảo trợ xã hội, hỗ trợ người nghèo, cứu trợ thiên tai và phòng, chống dịch bệnh. Theo Ban Tôn giáo Chính phủ và Bộ Dân tộc và Tôn giáo, đến năm 2025, hàng chục nghìn cơ sở tôn giáo trên cả nước thường xuyên duy trì hoạt động thiện nguyện, chăm sóc người yếu thế, nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, người già neo đơn và hỗ trợ đồng bào vùng khó khăn. Nhiều cơ sở tôn giáo đã trở thành điểm tựa xã hội quan trọng ở vùng sâu, vùng xa, nơi điều kiện tiếp cận dịch vụ công còn hạn chế.

Trong giai đoạn đại dịch COVID-19, vai trò xã hội của các tổ chức tôn giáo càng được thể hiện rõ nét. Hàng nghìn cơ sở thờ tự đã được sử dụng làm nơi cách ly, điểm cứu trợ nhân đạo, bếp ăn từ thiện hoặc trung tâm hỗ trợ cộng đồng. Nhiều chức sắc, chức việc và tín đồ trực tiếp tham gia tuyến đầu phòng, chống dịch; hỗ trợ vận chuyển lương thực, chăm sóc người bệnh và giúp đỡ người dân gặp khó khăn do giãn cách xã hội.

Những hoạt động đó không chỉ thể hiện tinh thần “hộ quốc an dân” của các tôn giáo chân chính mà còn góp phần củng cố niềm tin xã hội và tăng cường sức mạnh đoàn kết dân tộc trong thời điểm đất nước đối mặt với khủng hoảng y tế chưa từng có.

Hiến pháp năm 2013, tại Điều 24, khẳng định quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân và trách nhiệm của Nhà nước trong việc tôn trọng, bảo hộ quyền đó. Trên cơ sở hiến định này, Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo sửa đổi năm 2026 tiếp tục tạo hành lang pháp lý thuận lợi hơn cho các tổ chức tôn giáo tham gia hoạt động xã hội đúng quy định pháp luật. Nhiều nội dung sửa đổi đã bổ sung cơ chế minh bạch hóa hoạt động nhân đạo, tăng cường phân cấp quản lý và khuyến khích ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động tôn giáo nhằm bảo đảm tính công khai, hiệu quả và phù hợp với bối cảnh phát triển mới.

Ban Bí thư cũng nhấn mạnh yêu cầu phát huy “giá trị đạo đức, văn hóa tốt đẹp và các nguồn lực của tôn giáo phục vụ phát triển đất nước, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc” trong tình hình mới. Đây là bước chuyển quan trọng trong nhận thức và tư duy quản lý nhà nước về tôn giáo, là không nhìn tôn giáo chỉ dưới góc độ quản lý hành chính hay an ninh, mà nhìn nhận tôn giáo như một nguồn lực xã hội tích cực cần được định hướng và phát huy đúng pháp luật.

Quan điểm đó đòi hỏi Nhà nước tiếp tục hoàn thiện cơ chế để các tổ chức tôn giáo tham gia sâu hơn vào hoạt động an sinh xã hội, giáo dục đạo đức, bảo vệ môi trường, chăm sóc cộng đồng và hỗ trợ người yếu thế. Đồng thời, các hoạt động này cũng cần được quản lý minh bạch, đúng pháp luật, tránh bị lợi dụng cho mục đích trục lợi hoặc hoạt động trái quy định.

Trong một xã hội hiện đại và đa dạng về tín ngưỡng, việc phát huy giá trị tốt đẹp của các tôn giáo chân chính không chỉ là yêu cầu quản trị xã hội hiệu quả mà còn là điều kiện quan trọng để củng cố niềm tin của nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội và tạo thêm động lực tinh thần cho sự phát triển bền vững của đất nước trong giai đoạn mới.

Thước đo cuối cùng là niềm tin của người dân

Một chính sách dù được xây dựng công phu đến đâu cũng chỉ thực sự thành công khi tạo được sự đồng thuận xã hội và củng cố niềm tin của nhân dân.

Đối với Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo sửa đổi năm 2026, thước đo quan trọng nhất không nằm ở số lượng văn bản hướng dẫn được ban hành hay số cuộc kiểm tra hành chính được thực hiện, mà nằm ở việc người dân và các tổ chức tôn giáo có thực sự cảm nhận được quyền tự do tín ngưỡng của mình được bảo đảm đầy đủ, minh bạch và thuận lợi hơn hay không.

Hiến pháp năm 2013, tại Điều 24, đã khẳng định rõ: “Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; theo hoặc không theo một tôn giáo nào”. Đây không chỉ là một quy định pháp lý mang tính nguyên tắc mà còn là cam kết chính trị của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong việc bảo vệ quyền con người và quyền công dân. Trên tinh thần đó, Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo sửa đổi năm 2026 tiếp tục bổ sung nhiều quy định nhằm hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; tăng cường cải cách thủ tục hành chính; thúc đẩy chuyển đổi số và nâng cao trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực thi pháp luật.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy khoảng cách giữa chính sách và niềm tin xã hội đôi khi không nằm ở nội dung của luật, mà nằm ở cách luật được thực hiện trong đời sống hằng ngày. Nếu trong quá trình triển khai vẫn tồn tại tình trạng hành chính hóa hoạt động tín ngưỡng; ứng xử thiếu chuẩn mực với chức sắc, chức việc và tín đồ; giải quyết kiến nghị chậm trễ; hoặc áp dụng pháp luật theo tư duy máy móc, cực đoan, thì hiệu quả chính sách sẽ bị suy giảm nghiêm trọng.

Không chỉ vậy, những bất cập trong thực thi còn có thể bị các thế lực chống phá lợi dụng để xuyên tạc tình hình tự do tôn giáo tại Việt Nam, kích động tâm lý nghi ngờ và gây tổn hại đến khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Khi ban hành các văn bản về tăng cường công tác dân tộc, tôn giáo trong tình hình mới, Ban Bí thư đã nhấn mạnh yêu cầu xây dựng mối quan hệ gắn bó, đồng hành giữa chính quyền với các tổ chức tôn giáo; phát huy vai trò của tôn giáo trong củng cố đồng thuận xã hội và phát triển đất nước. Điều này đòi hỏi quá trình triển khai Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo sửa đổi năm 2026 phải gắn liền với cơ chế đối thoại thường xuyên, thực chất và cầu thị giữa chính quyền với các tổ chức tôn giáo hợp pháp. Những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện cần được lắng nghe, tháo gỡ kịp thời trên tinh thần thượng tôn pháp luật và tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của người dân.

Quan điểm đó cũng được Ban Tôn giáo Chính phủ nhiều lần khẳng định khi nhấn mạnh rằng công tác tôn giáo trước hết là công tác vận động quần chúng, xây dựng niềm tin và tạo sự đồng thuận xã hội. Trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền hiện đại, yêu cầu đặt ra đối với bộ máy quản lý không chỉ là “quản đúng luật” mà còn phải “phục vụ đúng tinh thần của Hiến pháp”.

Bởi vậy, Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo sửa đổi năm 2026 chỉ thực sự đi vào cuộc sống khi người dân cảm nhận rõ rằng hoạt động tín ngưỡng của mình thuận lợi hơn, thủ tục hành chính minh bạch hơn, môi trường sinh hoạt tôn giáo an toàn hơn và quyền tự do tín ngưỡng được bảo đảm thực chất hơn.

Khi niềm tin xã hội được củng cố, đồng thuận xã hội được tăng cường và mối quan hệ giữa Nhà nước với các tổ chức tôn giáo ngày càng gắn bó, đó mới chính là thước đo chân thực nhất của hiệu quả thực thi pháp luật trong một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện đại.

Tác giả: **Vững Nguyễn**